

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST

Ngày: 18/01/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Thủy

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Vinh – Thư ký Toà án quận Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2016/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐHPT-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ. Trụ sở: phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1992. Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2017.

Bị đơn: Bà Lý Trần Như N, sinh năm 1987. Địa chỉ: phường 17, quận Gò Vấp, Tp. HCM.

(Ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2016 của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn S trình bày:

Ngày 20/11/2013 bà Lý Trần Như N có ký hợp đồng số 10530000013785000 với Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ để vay số tiền 25.000.000 đồng để mua xe máy theo hình thức tín chấp trả góp hàng tháng, lãi suất 4,12% tháng. Theo thỏa thuận

trong hợp đồng, bà N có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi là 39.465.393 đồng trong thời hạn 24 tháng. Mỗi tháng thanh toán số tiền 1.659.877 đồng, tháng cuối cùng thanh toán 1.288.222 đồng. Bắt đầu thanh toán là ngày 12/12/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tổng số tiền bà N đã thanh toán cho nguyên đơn là 31.677.997 đồng. Từ ngày 25/6/2015 thì ngưng cho đến nay.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vốn còn lại là 7.438.570 đồng + lãi tính đến 27/7/2016 là 4.219.397 đồng + phạt tính do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.607.320 đồng = 13.265.287 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng.

Bị đơn bà Lý Trần Như N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà N nhưng bà N vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Lý Trần Như N có vay của Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ số tiền 25.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân nên xác định giữa bà N và Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463

của Bộ luật dân sự. Do bà N không thanh toán nợ đúng hạn nên Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ khởi kiện bà N tại nơi bà N cư trú là quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này”. Do đó, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Lý Trần Như N được triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã yêu cầu Công an địa phương cung cấp tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn. Kết quả xác minh thể hiện: “Bà Lý Trần Như N, sinh năm 1987, có đăng ký thường trú tại phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng theo chồng về Vũng Tàu sinh sống không xác định được địa chỉ nơi đến”. Điều này cho thấy người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Thể hiện mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn.

Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”. Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, hợp đồng số 10530000013785000 ngày 20/11/2013 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 25.000.000 đồng đồng để tiêu dùng cá nhân. Các bên thỏa thuận bị đơn có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi là 39.465.393 đồng trong thời hạn 24 tháng. Mỗi tháng thanh toán số tiền 1.659.877 đồng, tháng cuối cùng thanh toán 1.288.222 đồng. Bắt đầu thanh toán là ngày 12/12/2013. Bị đơn đã thanh toán cho

nguyên đơn số tiền 31.677.997 đồng. Từ ngày 25/6/2015 thì ngưng cho đến nay. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vốn còn lại là 7.438.570 đồng + lãi tính đến 23/11/2017 là 4.219.397 đồng + phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.607.320 đồng = 13.265.287 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng. Yêu cầu này của nguyên đơn được các bên thỏa thuận tại các điều 7, 8 của hợp đồng số 10530000013785000 ngày 20/11/2013; Phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn còn phải trả lãi trong trường hợp chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ do ông Phạm Văn S làm đại diện đối với bị đơn là bà Lý Trần Như N.

Buộc bà Lý Trần Như N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ số tiền 13.265.287 đồng (mười ba triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm tám mươi bảy đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Trần Như N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 663.264 đồng (sáu trăm sáu mươi ba ngàn, hai trăm sáu mươi bốn đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH MTV QTVNJ số tiền 278.383 đồng (hai trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm tám mươi ba đồng) theo biên lai thu số AA/2014/0006644 ngày 06/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND QGV;
- Chi cục THADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Tứ Nhị